TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 416/2026/QĐST - HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 401/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1979;

+ Anh Mai Thanh T, sinh năm: 1977;

Cùng nơi ĐKHKTT: tổ J, khu X, phường Cao X, thành phố Quảng Ninh.

Nơi ở: tổ F, khu Y, phường Hà L, thành phố Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, anh chị đăng ký kết hôn ngày 30/12/2003 tại Uỷ ban nhân phường Bạch Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, khuyên bảo nhau nhưng không thành. Anh chị đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị H và anh T cùng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm cho nhau không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đều thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T thống nhất trình bày: anh chị có 02 con chung là Mai Thị Mỹ A, sinh ngày: 21/4/2006 và Mai Anh T, sinh ngày 08/02/2013.

Anh chị thống nhất thoả thuận, con chung Mai Thị Mỹ A đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Mai Anh T cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Mai Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Mai Thanh T 02 con chung là Mai Thị Mỹ A, sinh ngày: 21/4/2006 và Mai Anh T, sinh ngày 08/02/2013.

Anh chị thống nhất thoả thuận, con chung Mai Thị Mỹ A đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Mai Anh T cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Mai Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000526 ngày 14/8/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- UBND phường Hồng Gai, TP. Quảng Ninh (GCNKH số 01, quyển số 01 ngày 30/12/2003 của UBND phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Huyền